

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2023.

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Hồng Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải

- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2022/TLST- HNGĐ ngày 23/11/2022 về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm 1983.

Bị đơn: Anh Đặng Tiến D, sinh năm 1981. (Hiện đang ở nước ngoài)

Cùng địa chỉ: Khu phố E, xã M, huyện T, tỉnh P.

(Chị V xin xét xử vắng mặt; anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày: Chị và anh Đặng Tiến D kết hôn ngày 07/10/2011 tại Đại sứ quan Việt Nam tại Cộng hoà Séc. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu nhau, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống về cách sống, lối sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, quan điểm sống không phù hợp nên chị V đề nghị giải quyết cho chị ly hôn anh D.

Về con chung: chị và anh D có một con chung là cháu Đặng Tiến Trung, sinh ngày 10/7/2012. Hiện nay cháu đang ở với chị tại khu phố E, xã M, huyện T, tỉnh P. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trung và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị V xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu toà án giải quyết

Về nợ chung và công sức đóng góp: Chị V xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Do anh chị đã không liên lạc với nhau đã lâu nên chị V không biết địa chỉ của anh D tại Cộng hoà Séc nên không cung cấp được địa chỉ của anh D cho Toà án. Bố đẻ anh D là ông Đặng Huy C hiện nay đang ở số nhà 464 P- P- Đồng Hải 1 - H- H, chị đề nghị Toà án xác minh địa chỉ tại Công hoà Séc của anh D qua bố đẻ anh D. Hiện nay chị đi làm ăn xa nên đề nghị Toà án không tiến hành công khai chứng cứ, hoà giải và xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Đặng Huy C ngày 12/12/2022 và ngày 28/12/2022 ông C và trình bày: ông là bố đẻ anh Đặng Tiến D, địa chỉ: số nhà 464 P- P- Đồng Hải 1 - H- H. Anh D hiện đang xuất khẩu lao động ở Cộng hoà Séc, anh thường xuyên liên lạc về với gia đình nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của anh D ở Cộng hoà Séc nên không thể cung cấp được cho Tòa án. Nay chị V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình, gia đình đã có trách nhiệm thông báo lại cho anh D. Quan điểm của gia đình: do hiện nay các cháu đã trưởng thành đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với con chung của anh D chị V qua trao đổi điện thoại với anh D ở Cộng hoà Séc, anh D và chị V có một con chung là cháu Đặng Tiến Trung, hiện nay cháu Trung đang ở cùng chị V tại huyện T, tỉnh P, anh D nhất trí giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu do anh D hiện đang ở nước ngoài không chăm sóc cháu Trung được, về cấp dưỡng anh D đề nghị tự thỏa thuận ngoài không đề nghị Toà án giải quyết, đối với Tài sản chung, công nợ và công sức anh D có thông báo không có và không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKSND tỉnh P đề nghị Tòa án xử cho chị Phạm Thị V được ly hôn anh Đặng Tiến D. Về con chung: Giao cháu Đặng Tiến Trung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu. Anh Đặng Tiến D không phải

cấp dưỡng nuôi con chung do chị Phạm Thị V tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ và công sức: Chị V và anh D xác nhận không có nên không đề nghị Toà án giải quyết. Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị V nộp đơn xin ly hôn anh Đặng Tiến D tại Tòa án nhân dân tỉnh P. Trong đơn ly hôn chị V trình bày anh D hiện nay đang ở Cộng hoà Séc. Theo Công văn số 24130/QLXNC-P5 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh Đặng Tiến D sinh ngày 20/11/1981 đã xuất cảnh ngày 08/11/2006 hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Đặng Tiến D đăng ký kết hôn ngày 07/10/2011 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà Séc nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị V và bố đẻ anh D có căn cứ xác định cuộc sống chị V và anh D chung sống không hạnh phúc. Anh Đặng Tiến D hiện nay đang ở nước ngoài, chị V chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam anh D, không cung cấp được địa chỉ của anh D ở nước ngoài cho Tòa án. Ông Đặng Huy C là bố đẻ anh D xác nhận anh D hiện nay đang ở Cộng hoà Séc, anh D vẫn liên lạc với gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể tại Cộng hoà Séc nên ông không cung cấp được địa chỉ của anh D tại Cộng hoà Séc cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Anh D đang ở nước ngoài nên anh chị không có điều kiện gần gũi để giải quyết mâu thuẫn khắc phục tình trạng hôn nhân. Tình trạng hôn nhân trầm trọng kéo dài không có khả năng đoàn tụ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: chị V và anh D có một con chung là cháu Đặng Tiến Trung, sinh ngày 10/7/2012. Hiện nay cháu Trung đang ở với chị V tại huyện T, tỉnh P. Ly hôn chị V đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trung đến khi cháu thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị V tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Theo trình bày của ông C: Anh D đề nghị Tòa án giải quyết về con chung: vì hiện nay anh D đi xuất khẩu lao động tại Cộng hoà Séc không có thời gian chăm

sóc con chung nên anh D nhất trí giao con chung cho chị V trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, về cấp dưỡng anh D sẽ tự thỏa thuận nên không đề nghị Toà án giải quyết. Quan điểm của cháu Trung thể hiện tại bản tự khai ngày 06/12/2022 nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của chị V phù hợp với nguyện vọng của cháu Trung vậy cần chấp nhận là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, công nợ: chị V và qua bố đẻ anh D xác nhận không có nên không đề nghị Toà án giải quyết

[4] Về công sức: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 107; 110 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Đặng Tiến D được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Tiến Trung, sinh ngày 10/7/2012 cho cho chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đặng Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị V tự nguyện không yêu cầu.

Anh Đặng Tiến D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị V đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2020/0000361 ngày 23/11/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Đương sự ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- THA tỉnh P;
- Dương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trường Sơn